

Số: 59/2019/QĐST-HNGĐ

Dan Phượng, ngày 13 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CỘNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 34/2019/TLST/HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983

- **Bị đơn:** Anh Lê Anh H1, sinh năm 1975

Đều cùng nơi nơi cư trú: Cụm 2, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**

1. Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội

Trụ sở: Xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Qu – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã

2. Bà Thế Thị Ch, sinh năm 1942 đã chết năm 2017; kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ch gồm:

+ Anh Bùi Trường Gi, sinh năm 1967

+ Anh Bùi Doãn Th, sinh năm 1971

Người đại diện theo ủy quyền của anh Bùi Trường Gi, ông Bùi Doãn Th là chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983

Đều cùng nơi cư trú: Cụm 2, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

3. Ngân hàng chính sách xã hội VN

Trụ sở: Số 169 Cát L, phường Ph, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Kim Tr – Phó giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều kiện cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Anh H1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Anh H1 xác nhận vợ chồng có 3 con chung tên các cháu là: Lê Đại H2, sinh ngày 30/4/2006; Lê Hà A, sinh ngày 02/10/2008; Lê Đức Kh, sinh ngày 29/9/2014. Chị H và anh H1 thống nhất thỏa thuận: Chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hà A cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Đại H2 và Lê Đức Kh cho đến khi cháu H2, Kh đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Anh H2 không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H đến khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Chị Nguyễn Thị H, anh Lê Anh H1 có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở

2.2. Về tài sản chung, nợ:

- Về tài sản chung: Quá trình vợ chồng chung sống cùng nhau có tạo lập được một số tài sản. Vợ chồng tự phân chia tài sản chung và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của vợ chồng trong quyết định như sau:

+ Anh H1 toàn quyền quản lý, sử dụng các tài sản: 01 xe máy Way anpha màu đỏ đen, biển kiểm soát 30X3 - 2641, số máy 1372312, số khung 171451 mang tên Nguyễn Thị H; 01 ti vi Sam sung Smat 40 inch; 01 Tủ lạnh Sanyor; 01 máy giặt Sanyor.

+ Chị H toàn quyền quản lý, sử dụng các tài sản: 01 xe Vision màu trắng bạc đen, biển kiểm soát 29X3 - 073.54, số máy F33E - 0085822, số khung 330XCY 08585872 mang tên Nguyễn Thị H; 01 điều hòa 2 chiều.

Đối với 01 nhà xây cấp 4 trên đất chuyên trồng lúa nước, tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 02 diện tích 143,9m²; địa chỉ thửa đất: Đồng Mầu, cụm 2, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/6/2014 mang tên bà Thế Thị Ch. Tổng giá trị tài sản xây dựng trên đất là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng chẵn). Chị H, anh H1 thỏa thuận: Chị H được toàn quyền sử dụng giá trị tài sản 01 nhà xây cấp 4 thửa đất nông nghiệp này và chị H thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho anh H1 số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Chị H có trách nhiệm trả lại thửa đất này cho ông Bùi Trường Gi, ông Bùi Doãn Th.

- Về vay nợ: Chị H đã trả nợ xong Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 09/4/2019. Vợ chồng không yêu cầu tòa án xem xét gì về số tiền đã trả.

Ngoài ra vợ chồng không có tài sản chung gì khác. Vợ chồng không vay nợ ai khác cũng như không cho ai vay nợ.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án

phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010323 ngày 22/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Trả lại chị Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng và 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí có giá ngạch đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010348 ngày 07/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Đường sự;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- UBND xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu